

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Chiến lược) với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phải đảm bảo phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của quốc gia; phù hợp với các chiến lược, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và địa phương; xác định ngành công nghiệp ô tô vẫn sẽ tiếp tục giữ vai trò then chốt trong thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp và góp phần quan trọng vào thực hiện thành công mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Phát triển ngành công nghiệp ô tô trên cơ sở đi tắt, đón đầu các xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ về sản xuất và tiêu dùng từ xe sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang xe tiết kiệm nhiên liệu, xe điện hoá, xe hybrid, xe sử dụng năng lượng mặt trời, sử dụng nhiên liệu sinh học và nhiên liệu xanh mới khác... của thế giới, góp phần thực hiện mục tiêu giảm phát thải CO₂ theo cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26.

3. Phát triển ngành công nghiệp ô tô mang tính đột phá cho hoạt động nghiên cứu, mua bán, chuyển giao công nghệ cho các dự án sản xuất, lắp ráp ô tô điện và ô tô sử dụng năng lượng mới theo xu hướng của các nước trong khu vực và trên thế giới; đặc biệt cần tập trung, bám sát với xu hướng phát triển các loại xe thân thiện với môi trường (xe điện, xe điện hóa, xe hybrid, xe sử dụng năng lượng mặt trời, sử dụng nhiên liệu sinh học và nhiên liệu xanh mới khác).

4. Phát triển ngành công nghiệp ô tô dựa trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nhằm đáp ứng từng bước và tiến tới đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước, đảm bảo cho nhu cầu về an ninh, quốc phòng của quốc gia, qua đó góp phần tạo công ăn việc làm, cải thiện, nâng cao đời sống của người dân.

5. Phát triển ngành công nghiệp ô tô trên cơ sở khuyến khích, mở rộng tiêu dùng ô tô trong nước, hướng tới đáp ứng quy mô thị trường trong nước đủ lớn nhằm tạo dựng thị trường cho phát triển công nghiệp hỗ trợ và phát triển sản xuất, lắp ráp trong nước. Định hướng và tập trung đầu tư phát triển một số doanh nghiệp ô tô đầu đàn trên cơ sở khuyến khích, ưu đãi đầu tư, đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất và hướng tới mục tiêu tham gia sâu vào chuỗi giá trị ô tô toàn cầu, nâng cao kim ngạch và giá trị gia tăng trong xuất khẩu.

II. MỤC TIÊU

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam không chỉ đảm bảo mục tiêu đóng góp, nâng cao hiệu quả tổng thể về kinh tế - xã hội, đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu thị trường nội địa, và tham gia sâu vào chuỗi giá trị ngành công nghiệp ô tô toàn cầu, mở rộng, nâng cao kim ngạch và giá trị gia tăng trong xuất khẩu trên cơ sở đảm bảo đáp ứng các yêu cầu mới, đi tiên phong trong vấn đề bảo vệ môi trường và chuyển hoàn toàn sang sản xuất, cung ứng các sản phẩm ô tô sử dụng điện và năng lượng xanh, năng lượng mới. Theo đó:

a) Đến năm 2030: Phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam trên cơ sở bảo đảm về mục tiêu, hiệu quả tổng thể về kinh tế - xã hội; hướng mục tiêu tới việc tiếp cận và chủ động về công nghệ sản xuất các chi tiết máy; đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn về môi trường và xu hướng sử dụng năng lượng tiết kiệm và năng lượng xanh, tăng cường khả năng cung ứng cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và tham gia vào chuỗi giá trị ô tô toàn cầu, có giá trị xuất khẩu lớn.

b) Đến năm 2045: Phát triển ngành công nghiệp ô tô không chỉ đảm bảo mục tiêu đóng góp, nâng cao hiệu quả tổng thể về kinh tế - xã hội mà còn đáp ứng các yêu cầu mới, đi tiên phong trong vấn đề bảo vệ môi trường và chuyển hoàn toàn sang sản xuất, cung ứng các sản phẩm ô tô sử dụng điện và năng lượng xanh, năng lượng mới; tiến tới chủ động hoàn toàn về công nghệ sản xuất động cơ cho hầu hết các chủng loại xe; đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và tham gia sâu vào chuỗi giá trị ngành công nghiệp ô tô toàn cầu; mở rộng, nâng cao kim ngạch và giá trị gia tăng trong xuất khẩu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Sản xuất và tiêu dùng trong nước

a) Đến năm 2030:

- Tăng trưởng thị trường xe ô tô trong nước giai đoạn đến năm 2030 đạt tốc độ bình quân khoảng từ 14 - 16% /năm, tổng lượng xe tiêu thụ đạt khoảng 1.000.000 - 1.100.000 chiếc, trong đó: xe đến 9 chỗ khoảng 550.000 chiếc (chiếm 55%), từ 10 chỗ trở lên khoảng 50.000 chiếc (chiếm 5%), xe tải khoảng 350.000 chiếc (chiếm 35%), xe chuyên dụng khoảng 50.000 chiếc (chiếm 5%).

- Tỷ lệ xe điện và xe sử dụng hybrid, xe sử dụng năng lượng mặt trời, sử dụng nhiên liệu sinh học và nhiên liệu xanh mới khác chiếm khoảng 18 - 22%.

- Tổng sản lượng xe sản xuất và lắp ráp trong nước đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm khoảng 18 - 20%/năm, sản lượng đạt khoảng 600.000 - 700.000 chiếc vào năm 2030.

b) Đến năm 2045:

- Tăng trưởng thị trường tiêu thụ xe ô tô trong nước tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2031 - 2045 là 11 - 12%/năm, tổng lượng xe đạt ~ 5.000.000 - 5.700.000 chiếc, trong đó: xe đến 9 chỗ chiếm khoảng 68 - 70%, từ 10 chỗ trở lên chiếm 5 - 6%, xe tải chiếm 23 - 24%, xe chuyên dụng chiếm khoảng 2 - 3%. Tỷ lệ xe điện và xe sử dụng hybrid, xe sử dụng năng lượng mặt trời, sử dụng nhiên liệu sinh học và nhiên liệu xanh mới khác đạt ~ 4.300.000 - 4.400.000 chiếc, chiếm khoảng 80 - 85 %.

- Tổng sản lượng xe sản xuất và lắp ráp trong nước tăng trưởng bình quân hàng năm là 13 - 14%/năm trong giai đoạn 2031 - 2045, sản lượng đạt ~ 4.000.000 - 4.600.000 chiếc, chiếm khoảng 80 - 85% so với nhu cầu nội địa.

2.2.2. Tỷ lệ xe sản xuất lắp ráp so với nhu cầu nội địa

- Đến năm 2030, xe sản xuất lắp ráp trong nước chiếm ~ 70%, trong đó: xe đến 9 chỗ đạt ~ 62%, từ 10 chỗ trở lên đạt ~ 85%, xe tải đạt ~ 75%, xe chuyên dụng đạt ~ 20%.

- Đến năm 2045, xe sản xuất lắp ráp trong nước chiếm ~ 87%, trong đó: xe đến 9 chỗ đạt ~ 90%, từ 10 chỗ trở lên đạt ~ 98%, xe tải đạt ~ 93%, xe chuyên dụng đạt ~ 50%.

2.2.3. Về xuất khẩu

- Đến năm 2030, giá trị xuất khẩu phương tiện vận tải và linh kiện, phụ tùng ô tô đạt ~ 14 tỷ USD.

- Đến năm 2045, giá trị xuất khẩu phương tiện vận tải và linh kiện, phụ tùng ô tô đạt ~ 36 tỷ USD.

2.2.4. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô

- Giai đoạn đến năm 2030, bắt đầu sản xuất được một số chi tiết quan trọng trong bộ phận truyền động, hộp số, động cơ (nhất là cho xe khách và xe tải nhẹ), từng bước tham gia hệ thống cung ứng sản phẩm hỗ trợ trong chuỗi giá trị

toàn cầu của ngành công nghiệp ô tô thế giới. Đủ khả năng cung ứng 55 - 60% (về giá trị) linh kiện, phụ tùng cho sản xuất lắp ráp ô tô trong nước.

- Tầm nhìn đến năm 2045, tiếp tục phát triển công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất ô tô, phấn đấu trở thành nhà cung cấp quan trọng nhiều loại linh kiện, phụ tùng cho ngành công nghiệp ô tô khu vực và thế giới. Đáp ứng trên 80 - 85% (tính theo giá trị) nhu cầu về linh kiện, phụ tùng cho sản xuất lắp ráp ô tô trong nước.

III. ĐỊNH HƯỚNG

3.1. Định hướng chung

Phát huy nội lực của quốc gia; chú trọng liên kết, hợp tác với các tập đoàn sản xuất ô tô lớn trên thế giới để phát triển ngành công nghiệp ô tô theo hướng đồng bộ với phát triển hạ tầng giao thông; đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu thị trường nội địa và định hướng ngày càng tham gia sâu vào chuỗi giá trị ngành ô tô toàn cầu; mở rộng, nâng cao kim ngạch và giá trị gia tăng trong xuất khẩu các sản phẩm của ngành ô tô; đáp ứng các yêu cầu mới của thị trường, đi tiên phong trong vấn đề bảo vệ môi trường và định hướng chuyển dịch hoàn toàn sang sản xuất, cung ứng các sản phẩm ô tô sử dụng xe điện hoá, xe hybrid, xe sử dụng năng lượng mặt trời, sử dụng nhiên liệu sinh học và nhiên liệu xanh mới khác... phù hợp với định hướng phát triển năng lượng quốc gia, góp phần tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của cả nước theo hướng văn minh, hiện đại.

a) *Giai đoạn đến năm 2030*, đây được xác định là giai đoạn khởi đầu cho Chiến lược, định hướng phát triển ngành ô tô Việt Nam sẽ đạt mức cơ giới hoá và đạt khoảng trên 1,0 triệu xe các loại vào năm 2030. Trong giai đoạn này xác định các dòng xe động cơ đốt trong vẫn tiếp tục đóng vai trò chủ yếu và chiếm tỷ trọng lớn trong cả sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu.

b) *Tầm nhìn đến năm 2045*, và những năm tiếp theo được xác định sẽ là giai đoạn tăng trưởng mạnh của lượng xe điện hoá, xe hybrid, xe sử dụng năng lượng mặt trời, sử dụng nhiên liệu sinh học và nhiên liệu xanh mới... và tiến dần đến sự ổn định của ngành công nghiệp ô tô Việt Nam. Trong đó, xe điện hoá, xe hybrid, xe sử dụng năng lượng mặt trời, sử dụng nhiên liệu sinh học và nhiên liệu xanh mới... sẽ thay thế hoàn toàn 80,5% xe sử dụng động cơ đốt trong vào năm 2050.

3.2. Định hướng cụ thể

3.2.1. Phát triển sản xuất và lắp ráp

a) Định hướng phát triển các nhóm sản phẩm ưu tiên:

- Đối với xe tải và xe khách từ 10 chỗ trở lên: Tập trung, chú trọng đầu tư phát triển dòng xe tải nhỏ đa dụng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nông thôn và các loại xe khách tầm trung và tầm ngắn chạy liên tỉnh, huyện, nội đô... phù hợp với điều kiện địa hình, hạ tầng giao thông trong nước với giá thành hợp lý, an toàn và tiện dụng.

- Đối với xe chở người đến 9 chỗ: Tập trung vào phát triển các dòng xe cá nhân kích thước nhỏ, tiết kiệm nhiên liệu, xe điện hoá, xe hybrid, xe sử dụng năng lượng mặt trời, sử dụng nhiên liệu sinh học và nhiên liệu xanh mới khác... phù hợp với hạ tầng giao thông và thu nhập của người dân.

- Đối với xe chuyên dụng: Lựa chọn sản xuất, lắp ráp một số chủng loại xe có nhu cầu lớn (xe chở beton, xe xitec, xe phục vụ an ninh, quốc phòng...); khuyến khích sản xuất xe nông dụng nhỏ đa chức năng (kết hợp vận tải hàng hóa với một hay nhiều tính năng như làm đất, bơm nước, phát điện, phun thuốc sâu...) để đáp ứng nhu cầu của khu vực nông thôn, vùng đồng bào, dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối với công nghiệp hỗ trợ: Tiếp cận và ứng dụng công nghệ cao để chế tạo được các chi tiết, linh kiện, quan trọng như bộ truyền động, hộp số, động cơ, thân vỏ xe... cho một số chủng loại xe; tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết với các hãng ô tô lớn để lựa chọn chủng loại phụ tùng, linh kiện mà Việt Nam có thể sản xuất để đảm nhận vai trò mắt xích trong chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu, trên cơ sở đó đầu tư công nghệ tiên tiến, sản xuất phục vụ xuất khẩu.

b) Định hướng các nhiệm vụ cụ thể:

- Nghiên cứu, xây dựng trung tâm nghiên cứu, thiết kế, chế tạo ô tô tại 03 miền: Bắc, Trung và Nam;

- Xây dựng các kế hoạch, lộ trình chuyển đổi từ phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện điện một cách cụ thể, hợp lý làm cơ sở cho các doanh nghiệp có định hướng chuyển đổi phù hợp;

- Xây dựng chính sách ưu tiên phát triển sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu ô tô điện, ô tô sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường;

- Phát triển cơ sở hạ tầng liên quan để phát triển hệ thống giao thông thân thiện môi trường như: Trạm sạc điện, trạm nạp nhiên liệu, trạm biến áp, hạ tầng giao thông, hạ tầng lưới điện,...

- Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo để làm đầu vào cung cấp điện sạch cho hoạt động của phương tiện điện;

- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí và khí thải cho các loại phương tiện giao thông;

- Nghiên cứu xây dựng tiêu chí chứng nhận Nhân sinh thái cho các phương tiện và dịch vụ giao thông vận tải thân thiện môi trường;
- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật cho ngành ô tô, đặc biệt là ô tô điện và linh kiện, phụ tùng cùng hệ thống hạ tầng cho ngành ô tô điện (như trạm sạc, cổng sạc, trạm bơm nhiên liệu...);
- Tăng cường liên kết, thiết lập đối tác chiến lược, khuyến khích đầu tư các dự án đủ lớn để tạo dựng thị trường cho ngành công nghiệp hỗ trợ;
- Thu hút đầu tư cải tiến, nâng cấp công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm bảo đảm hợp chuẩn quốc tế;
- Xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ tài chính cho sản xuất và hoạt động của trạm sạc nhanh;...

3.2.2. Phát triển tiêu dùng trong nước

- Xây dựng các chính sách khuyến khích phát triển nhu cầu thị trường, đặc biệt là các chính sách ưu đãi thuế tiêu thụ đặc biệt hài hoà cho các loại xe điện khí hoá, xe sử dụng năng lượng xanh mới để phát triển thị trường;
- Nghiên cứu, xây dựng các chính sách giảm lệ phí trước bạ cho các dòng xe HEV, PHEV và BEV;
- Xây dựng chính sách hỗ trợ cho khách hàng/ người tiêu dùng phí đỗ xe, thuế môi trường... đối với tất cả các loại xe điện khí hoá, xe sử dụng năng lượng xanh mới;
- Phát triển thị trường trong nước trên cơ sở phát triển hệ thống trạm sạc điện, trạm bơm các nhiên liệu xanh mới;
- Xây dựng và phát triển thương hiệu xe ô tô sản xuất trong nước;
- Phát triển tiêu thụ xe ô tô trên cơ sở chú trọng phát triển khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa trong giai đoạn trung và dài hạn,...

3.2.3. Phát triển xuất khẩu

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp và phát triển hạ tầng logistics hỗ trợ cho hoạt động xuất khẩu;
- Xây dựng và phát triển thương hiệu thông qua việc đầu tư, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ của ngành ô tô đáp ứng yêu cầu đa dạng của thị trường nhập khẩu;
- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu phương tiện và linh kiện cho ngành ô tô;
- Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp FDI, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị ngành ô tô nhằm thúc đẩy xuất khẩu;...

3.2.4. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô

- Xây dựng và phát triển công nghiệp hỗ trợ cung cấp linh kiện, phụ tùng cho sản xuất, lắp ráp xe điện, xe hybrid, xe sử dụng năng lượng mặt trời, sử dụng nhiên liệu sinh học và nhiên liệu xanh mới khác...

- Hình thành một số trung tâm/cụm liên kết công nghiệp ô tô tập trung trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại sản xuất. Đẩy mạnh hợp tác - liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, các cơ sở nghiên cứu - triển khai và các cơ sở đào tạo thuộc mọi thành phần kinh tế để nâng cao hiệu quả đầu tư và tăng cường khả năng chuyên môn hóa;

- Thúc đẩy các dự án lớn về công nghiệp vật liệu, đặc biệt là các dự án sản xuất thép cán nóng, thép chế tạo... của các nhà đầu tư trong nước để bảo đảm nguồn vật liệu đầu vào cho công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô;

- Thu hút đầu tư vào các phân ngành chế tạo cơ bản (tạo phôi, gia công áp lực, gia công chính xác, nhiệt luyện, xử lý bề mặt và sản xuất khuôn mẫu cho sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành ô tô);

- Đẩy mạnh việc hợp tác với các ngành công nghiệp vật liệu đầu vào cho sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành ô tô.

3.2.5. Phát triển nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp ô tô

- Nghiên cứu, cải cách phương thức đào tạo sinh viên ngành ô tô, bao gồm thiết kế lại chương trình đào tạo; xây dựng đội ngũ giảng viên; liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp;...

- Nghiên cứu, bổ sung và đưa vào giảng dạy các môn học về trí tuệ nhân tạo và ô tô điện hóa như: khai thác dữ liệu, dữ liệu lớn, công nghệ kết nối ô tô thông minh, hệ thống giao thông thông minh, hệ thống điều khiển tiên tiến...

- Tăng cường kết nối giữa các nhà khoa học, chuyên gia, nhà quản lý, doanh nghiệp, những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực ô tô, thiết bị động lực trong việc về lĩnh vực ô tô điện hóa, các công nghệ mới trên ô tô hiện đại.

3.2.6. Phát triển khoa học, công nghệ cho ngành công nghiệp ô tô

- Định hướng thu hút đầu tư và phát triển công nghệ xe tự lái;

- Định hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thực tế ảo, tăng cường và hỗn hợp (VR, AR và MR) được gọi chung là thực tế mở rộng (XR) trong nghiên cứu và thiết kế ô tô;

- Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng tích hợp hệ thống thông tin giải trí, chức năng hỗ trợ người lái và giao tiếp không dây nhằm tăng khả năng tương tác trong thời gian thực với các phương tiện khác, hệ thống điều khiển giao thông và dịch vụ đám mây;

- Định hướng ứng dụng công nghệ 5G và Internet vạn vật (IOT), phần mềm, trí tuệ nhân tạo, và các lĩnh vực công nghệ mới nhằm thúc đẩy sự gia tăng nhanh chóng của những chiếc xe thông minh,...

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

4.1. Giải pháp phát triển sản xuất kinh doanh

4.1.1 Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, cải thiện môi trường đầu tư

- Tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và vốn của các thành phần kinh tế khác trong nước bằng việc đa dạng hóa hình thức đầu tư, đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư để thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài; cải cách thủ tục hành chính để nâng cao hiệu quả đầu tư, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án.

- Đa dạng hoá các hình thức đầu tư, cải cách các thủ tục hành chính để phát huy tối đa mọi nguồn lực, nâng cao hiệu quả đầu tư. Huy động nguồn vốn xã hội để đầu tư một số dự án trọng điểm và có hiệu quả cao; xây dựng danh mục các dự án để kêu gọi đầu tư.

- Đa dạng hoá đầu tư các dự án về cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển ngành theo hình thức PPP, BOT, BT, BO...

- Tăng cường thu hút đầu tư thay thế các thiết bị, công nghệ sản xuất cũ; tiếp nhận - chuyển giao máy móc hiện đại đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, đặc biệt trong việc chế tạo sản phẩm, phân tích, kiểm tra, chứng nhận hợp quy, quy chuẩn sản phẩm.

- Đẩy mạnh việc chuyển đổi thiết bị, công nghệ để nâng cao hiệu suất sử dụng, tiết kiệm nguồn nguyên liệu (than, điện, quặng sắt...) để sản phẩm có giá thành cạnh tranh.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, củng cố mối quan hệ khoa học - công nghệ giữa các đơn vị sản xuất với các cơ quan nghiên cứu và phát triển sản phẩm, các trường đại học trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh việc chuyển giao công nghệ - kỹ thuật mới áp dụng vào ngành.

- Khuyến khích đầu tư quy mô lớn, tập trung. Đối với các dự án công nghiệp hỗ trợ: Tùy thuộc tính chất, chủng loại sản phẩm, chú trọng cả dự án quy mô lớn (phục vụ xuất khẩu) và quy mô nhỏ làm vệ tinh cho các dự án lớn.

- Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô hiện có đầu tư chiều sâu, đầu tư bổ sung, nâng cấp công nghệ, nâng cao công suất lắp ráp và tỷ lệ giá trị sản xuất trong nước.

- Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp kỹ thuật dựa trên các cam kết, các quy định và hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp sản xuất ô tô trong nước;

- Xây dựng, phát triển thương hiệu cho một số sản phẩm và doanh nghiệp ô tô trong nước không chỉ trên thị trường nội địa mà còn trên thị trường khu vực và thế giới;...

4.1.2. Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường

- Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường cũng như các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường trong các hoạt động công nghiệp; phòng ngừa, ngăn chặn kết hợp với xử lý các hoạt động gây ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên;

- Đối với các dự án đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp phải triệt để tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn môi trường về xử lý chất thải lỏng, chất thải khí và chất thải rắn trong quá trình xây dựng và khai thác, vận hành dự án;
- Quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và bền vững, khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, quản lý tốt công tác thu hồi, thu gom phục vụ tái chế, tái sử dụng các loại chất thải trong hoạt động sản xuất;
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra về môi trường. Khuyến khích chuyển đổi, thay thế công nghệ, thiết bị lạc hậu bằng công nghệ, thiết bị tiên tiến trong hoạt động sản xuất công nghiệp.
- Tăng cường năng lực quản lý môi trường cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp, các tổ chức, đoàn thể; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho các chủ thể tham gia kinh doanh, lao động, cộng đồng và xã hội.

4.1.3 Phát triển bền vững và xanh hóa ngành công nghiệp ô tô

- Ưu đãi thuế và hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp sản xuất xe điện (EV) và xe hybrid, nhằm giảm chi phí sản xuất và giá bán.
- Thu hút đầu tư vào phát triển mạng lưới trạm sạc điện trên toàn quốc, bao gồm các trạm sạc nhanh tại các thành phố lớn và dọc theo các tuyến đường cao tốc.
- Xây dựng và tổ chức chuyển đổi hệ thống cung ứng nhiên liệu từ nhiên liệu hóa thạch sang trạm tiếp nhiên liệu hydro và nhiên liệu xanh mới khác cho các phương tiện giao thông.
- Tăng cường đầu tư vào nghiên cứu và phát triển các công nghệ xanh, bao gồm pin năng lượng, hệ thống tái tạo năng lượng phanh và vật liệu nhẹ.
- Khuyến khích hợp tác quốc tế để tiếp cận các công nghệ tiên tiến và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp ô tô trong nước.
- Khuyến khích đầu tư, cải tiến và sử dụng các loại động cơ tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu và giảm lượng phát thải CO₂.
- Phát triển các vật liệu nhẹ và tái chế trong sản xuất ô tô nhằm giảm trọng lượng xe, tiết kiệm nhiên liệu và giảm tác động đến môi trường.
- Triển khai các chương trình tái chế xe cũ, thu hồi và xử lý các linh kiện, phụ tùng một cách an toàn và hiệu quả.
- Phát triển các khu công nghiệp ô tô xanh với cơ sở hạ tầng hiện đại, áp dụng công nghệ sản xuất sạch và quản lý môi trường hiệu quả.
- Đầu tư vào phát triển hệ thống giao thông công cộng và các tuyến đường ưu tiên cho xe điện, xe đạp và phương tiện giao thông xanh khác.
- Khuyến khích đầu tư vào ngành công nghiệp ô tô xanh, bao gồm các ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính và các chương trình hỗ trợ kỹ thuật.

- Xây dựng và triển khai lộ trình phát triển ngành công nghiệp ô tô xanh, đặt ra các mục tiêu cụ thể về sản lượng xe xanh, giảm lượng phát thải và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

- Nghiên cứu và phát triển xe tự hành và xe kết nối nhằm nâng cao hiệu quả giao thông, giảm tắc nghẽn và tiết kiệm năng lượng.

- Áp dụng các hệ thống quản lý giao thông thông minh (ITS) để tối ưu hóa luồng giao thông và giảm thiểu lượng khí thải.

4.1.4 Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính

- Áp dụng giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo lộ trình, hướng tới giảm tối đa mức tiêu thụ nhiên liệu và phát thải khí nhà kính;

- Tăng cường quy định về hiệu quả sử dụng năng lượng đối với phương tiện giao thông hoạt động tuyến nội địa.

- Tổ chức vận tải khoa học trên cơ sở phát triển hợp lý các phương thức vận tải;

- Thúc đẩy chuyển đổi phương thức vận tải hàng hóa từ đường bộ sang đường sắt, đường thủy, vận tải ven biển;

- Tăng cường kết nối các phương thức vận tải kết hợp dịch vụ logistics chất lượng cao, giảm hệ số chạy rỗng của phương tiện, giảm ùn tắc hàng hóa trong hoạt động vận tải và chuỗi cung ứng dịch vụ logistics;

- Tổ chức quản lý, điều hành, khai thác hiệu quả phương tiện, trang thiết bị hạ tầng giao thông vận tải.

- Từng bước nâng cao thị phần vận tải hành khách công cộng tại các đô thị; thúc đẩy chuyển đổi sử dụng phương tiện giao thông cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng.

4.2. Phát triển thị trường tiêu thụ

- Thúc đẩy tiêu thụ ô tô trong nước thông qua việc tiếp tục thực hiện có kết quả các cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Xây dựng, phát triển hình ảnh, thương hiệu sản phẩm ô tô Việt thông qua chất lượng cao, đa dạng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu về chủng loại sử dụng trong tất cả các lĩnh vực.

- Đầu tư, hiện đại hóa hệ thống hạ tầng phân phối sản phẩm ô tô (đại lý, showroom trưng bày, giới thiệu sản phẩm, trung tâm bảo dưỡng...), kết nối giữa nhà sản xuất với nhà phân phối.

- Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến bán hàng thông qua hoạt động quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, sản phẩm mới, sản phẩm mang nhãn mác, thương hiệu của Việt Nam đến người tiêu dùng.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường; cập nhật thông tin về chính sách thương mại có liên quan đến ngành ô tô của các quốc gia và của từng thị trường về thị phần, nhu cầu sản phẩm, giá cả, tiêu

chuẩn chất lượng sản phẩm, các rào cản kỹ thuật, thuế quan... để nhà quản lý, doanh nghiệp định hướng cho các nhà sản xuất ô tô.

- Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu ô tô và nhập khẩu linh kiện nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, trong đó đặc biệt quan tâm đến thị trường trọng điểm của ngành, tiếp tục tìm kiếm, khai thác các thị trường mới, có lợi thế về chủng loại, chất lượng.

- Xây dựng các chương trình khuyến mại kích cầu để hạ giá bán, tăng khả năng đưa hàng đến tay người tiêu dùng.

- Hỗ trợ, khuyến khích người tiêu dùng chuyển đổi phương tiện sử dụng sang xe điện hóa, xe sử dụng hydro, năng lượng xanh mới...

4.3. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông

- Rà soát, xây dựng quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp chuyên biệt cho ngành ô tô, nơi tập trung các nhà máy sản xuất, lắp ráp, và các cơ sở công nghiệp phụ trợ, tạo nên khu, cụm công nghiệp có mối quan hệ liên kết, giảm chi phí sản xuất.

- Đầu tư vào xây dựng và nâng cấp hệ thống đường bộ để đảm bảo việc vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ô tô diễn ra thuận lợi.

- Tăng cường năng lực của các cảng biển và cảng cạn để hỗ trợ xuất nhập khẩu linh kiện và xe ô tô.

- Phát triển hệ thống logistics hiệu quả, bao gồm các trung tâm phân phối, kho bãi hiện đại để hỗ trợ lưu trữ và vận chuyển sản phẩm.

- Nghiên cứu, xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển hệ thống trạm sạc, điểm dừng, đỗ tích hợp trạm sạc phục vụ cho các loại xe điện.

- Đầu tư vào hệ thống giao thông đô thị, bao gồm các tuyến đường, bãi đỗ xe, và hệ thống giao thông công cộng để giảm ùn tắc giao thông và tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng ô tô.

- Tập trung đầu tư các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, quy mô lớn, nhất là về giao thông, năng lượng và hạ tầng số để khắc phục cơ bản những điểm nghẽn cho phát triển, tăng cường kết nối với khu vực và thế giới.

- Quy hoạch hệ thống trạm sạc điện, trạm cấp năng lượng xanh trên mạng quốc lộ chính yếu, mở rộng ra mạng lưới đường bộ toàn quốc; hạ tầng trạm sạc điện, trạm cấp năng lượng xanh cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tại các cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không, bến xe và nhà ga.

- Xây dựng quy định, tiêu chí bến xe khách xanh, trạm dừng nghỉ xanh; xây dựng chính sách khuyến khích chuyển đổi bến xe khách, trạm dừng nghỉ theo tiêu chí xanh.

- Xây dựng, thực hiện chương trình chuyển đổi toàn bộ bến xe khách, trạm dừng nghỉ theo tiêu chí xanh.

- Quy hoạch và xây dựng hệ thống hạ tầng cung cấp điện, năng lượng xanh cho phương tiện giao thông tại các đô thị.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư và đưa vào khai thác các tuyến đường sắt đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt; mở rộng, phát triển hạ tầng phục vụ phương tiện giao thông công cộng.

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông phi cơ giới, điểm trung chuyển phương tiện kết nối hợp lý với các phương thức vận tải hành khách công cộng khác.

4.4. Tăng cường hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp ô tô đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo uy tín trong nước và quốc tế để phát triển nguồn nhân lực.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật mới và tăng cường bồi dưỡng chất lượng đội ngũ giảng viên có trình độ cao cho các trường đào tạo công nhân kỹ thuật để có đủ năng lực đào tạo đáp ứng nhu cầu lao động cho ngành ô tô.

- Xây dựng cơ chế để có đãi ngộ thích đáng nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Chú trọng đào tạo nghề để có đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề đủ khả năng nắm bắt và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật và công nghệ hiện đại.

- Tăng cường cơ chế, chính sách phát triển nhân lực cho ngành công nghiệp ô tô, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là yêu cầu của cuộc CMCN4.0.

- Đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý về phát triển nhân lực cho ngành công nghiệp ô tô.

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách, cơ chế, công cụ phát triển nhân lực về môi trường làm việc, chính sách việc làm, thu nhập, bảo hiểm, bảo trợ xã hội, điều kiện nhà ở và các điều kiện sinh sống, định cư, các chính sách đối với nhân lực chất lượng cao, nhân tài trong ngành ô tô.

- Cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nhằm tạo ra nguồn nhân lực ngành ô tô có khả năng làm chủ và tiếp nhận các công nghệ sản xuất mới.

- Đẩy mạnh xã hội hoá đào tạo kỹ thuật, công nghệ. Triển khai mô hình đào tạo về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM), ngoại ngữ, tin học ngay từ chương trình giáo dục phổ thông.

- Khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực công nghiệp chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với hoạt động sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động công nghiệp.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông thị trường lao động công nghiệp cả về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu ngành nghề.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các chính sách bảo đảm phúc lợi xã hội cho người lao động trong ngành ô tô.

- Xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân trong ngành công nghiệp ô tô của Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

4.5. Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ

- Tăng cường xây dựng, đầu tư và phát triển hạ tầng số và chuyển đổi số trong ngành công nghiệp ô tô.

- Đầu tư, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành công nghiệp ô tô, gắn kết với các trung tâm dữ liệu lớn quốc gia.

- Triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án về khoa học và công nghệ để phát triển công nghiệp ô tô trong giai đoạn tới.

- Đổi mới, hoàn thiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh của ngành ô tô.

- Xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách phù hợp để định hướng và kiểm soát chặt chẽ công nghệ đối với ngành công nghiệp ô tô trên nguyên tắc kết hợp giữa tranh thủ công nghệ tiên tiến, lợi thế của nước đi sau, đi tắt đón đầu.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ sản xuất, lắp ráp gắn với sản phẩm mới, để khoa học và công nghệ có thể trở thành đột phá Chiến lược, làm đòn bẩy tái cấu trúc, đổi mới mô hình phát triển ngành công nghiệp ô tô thời gian tới.

- Tăng cường công tác quản lý đối với nhập khẩu máy móc, thiết bị, công nghệ của ngành ô tô, bảo đảm chất lượng và hiệu quả cao.

- Nghiên cứu, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật và có chính sách hỗ trợ rõ ràng đối với các công nghệ được đầu tư, sử dụng trong nước, nhập khẩu công nghệ hiện đại, đảm bảo xanh và sạch.

- Xây dựng lộ trình và thời gian để triển khai việc loại bỏ các công nghệ công nghiệp lạc hậu, tiêu hao nhiều nguyên, nhiên vật liệu và gây ô nhiễm môi trường trong ngành công nghiệp ô tô Việt Nam.

4.6. Các giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ

- *Phát triển thị trường ô tô trong nước:* Thực hiện các chính sách ưu đãi về vay vốn và khuyến khích đầu tư CNHT theo hướng đổi mới và chuyển giao công nghệ tiên tiến để tăng qui mô sản xuất nhằm đạt được hiệu quả kinh tế theo qui mô, giảm giá thành.

- *Phát triển danh mục sản phẩm và dòng sản phẩm CNHT (product - mix and product lines) đáp ứng nhu cầu đa dạng của các doanh nghiệp lắp ráp ô tô trong nước và xuất khẩu:* Lựa chọn danh mục sản phẩm và các dòng sản phẩm trong mỗi danh mục đáp ứng nhu cầu của từng nhóm khách hàng mục tiêu là các doanh nghiệp lắp ráp ô tô để lựa chọn đầu tư kỹ thuật sản xuất và công nghệ phù hợp. Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm theo chuẩn mực quốc tế làm căn cứ cho việc định hướng phát triển CNHT cho ngành công nghiệp ô tô.

- *Điều chỉnh một cách đồng bộ các loại thuế, phí và lệ phí liên quan đến sản xuất, tiêu thụ, xuất và nhập khẩu ô tô:* Ổn định các chính sách thuế, phí và lệ phí liên quan đến ô tô (SCT/OT/VAT, phí duy tu, bảo dưỡng đường bộ, phí môi trường...) với lộ trình ổn định trong vòng 10 năm; điều chỉnh giá trị tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xe sản xuất trong nước và xe nhập khẩu cho hợp lý.

- *Để khắc phục tình trạng giá trị tạo ra trong nước còn thấp, cần tập trung vào các chính sách hỗ trợ sản xuất trong nước:* (1) Khuyến khích đầu tư: Bổ sung công nghiệp ô tô và phụ tùng vào danh mục các lĩnh vực ưu đãi đầu tư trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư mới; (2) Đơn giản hóa thủ tục xuất nhập khẩu và vận chuyển linh kiện và định kỳ rà soát, điều chỉnh danh mục phụ tùng, linh kiện ô tô được giảm thuế nhập khẩu; (3) Chính sách cắt giảm chi phí sản xuất: Nghiên cứu chính sách và thực thi giải pháp phù hợp nhằm giải quyết vấn đề chi phí sản xuất cao của ngành công nghiệp ô tô trong nước.

- *Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển CNHT:* (i) Cụ thể hóa tiêu chí đánh giá dự án, đơn giản hóa thủ tục đánh giá và phê duyệt dự án để áp dụng các ưu đãi đầu tư; (ii) Lựa chọn danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển theo hướng chọn lọc, tập trung và qui mô lớn; (iii) Bổ sung công nghiệp ô tô và phụ tùng ô tô vào danh mục các sản phẩm cơ khí trọng điểm khuyến khích phát triển, trong đó đưa một số linh kiện, phụ tùng ô tô vào danh mục các sản phẩm công nghệ cao; (iv) Chính sách tài chính: Bố trí nguồn vốn từ Quỹ phát triển DNNVV để các doanh nghiệp vay đầu tư trang thiết bị sản xuất trong lĩnh vực CNHT.

- *Ứng dụng công nghệ 4.0 vào các doanh nghiệp CNHT và doanh nghiệp sản xuất ô tô.* Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp nắm bắt cơ hội, tạo bước phát triển mang tính đột phá theo 4 xu hướng chính gồm: lái tự động, kết nối, xe điện và chia sẻ tiện ích.

- *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp CNHT:* (i) Rà soát, khảo sát các cơ sở đào tạo kỹ thuật (đại học, cao đẳng, trung cấp, cơ sở đào tạo nghề,...); (ii) Tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp và nhà trường; (iii) Thực thi việc cấp giấy chứng nhận tay nghề trong ngành công nghiệp ô tô (đặc biệt trong sản xuất phụ tùng, linh kiện). 8) Phát triển cơ sở hạ tầng cho CNHT: (i) Nghiên cứu, đề xuất phát triển các cụm liên kết (cluster) công nghiệp ô tô nhằm tận dụng sự tập trung công nghiệp hiện có của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp ô tô và định hướng

cho những dự án, nhà đầu tư mới; (ii) Xây dựng các khu công nghiệp dành cho các DNNVV Nhật Bản với đầy đủ dịch vụ hỗ trợ đi kèm,...

4.7. Một số giải pháp cụ thể theo nhóm sản phẩm

- Nhóm giải pháp phát triển xe thân thiện với môi trường - xe điện, xe hybrid, xe hydrogen: Hỗ trợ tài chính và ưu đãi thuế, áp dụng các chính sách giảm thuế nhập khẩu cho linh kiện sản xuất.

- Nhóm giải pháp phát triển xe thương mại (xe tải, xe Buýt): Khuyến khích nghiên cứu và phát triển động cơ tiết kiệm nhiên liệu và giảm phát thải cho xe tải và xe buýt; Khuyến khích sử dụng nhiên liệu sạch, sử dụng xe điện hóa, hydro cho xe thương mại; Phát triển hệ thống giao thông xanh: Đầu tư vào phát triển xe buýt điện và xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch cho hệ thống giao thông; và cung cấp các khoản hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp vận tải đầu tư vào xe vận tải xanh.

- Nhóm giải pháp phát triển xe cá nhân: Khuyến khích sản xuất trong nước. Áp dụng các chính sách ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp sản xuất và lắp ráp xe hơi trong nước.

- Nhóm giải pháp về cung cấp linh kiện và phụ tùng cho ngành ô tô: Cần chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ. Khuyến khích đầu tư vào các nhà máy sản xuất linh kiện và phụ tùng ô tô bằng các chính sách ưu đãi thuế và hỗ trợ tài chính như: Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phụ trợ tiếp cận với các doanh nghiệp sản xuất ô tô lớn thông qua các chương trình kết nối doanh nghiệp; Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực sản xuất thông qua các chương trình hợp tác quốc tế; Cung cấp các khóa đào tạo kỹ thuật và quản lý cho các doanh nghiệp sản xuất linh kiện và phụ tùng ô tô.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Chiến lược.

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

4. Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn triển

khai tổ chức thực hiện Chiến lược; kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

- Chủ trì phát triển ngành công nghiệp sản xuất phương tiện, trang thiết bị giao thông vận tải sử dụng điện, năng lượng xanh; sản xuất, cung ứng điện, năng lượng xanh thay thế nhiên liệu hóa thạch đáp ứng nhu cầu trong nước; mở rộng phối trộn, cung ứng nhiên liệu sinh học; phát triển hệ thống sạc điện, năng lượng xanh cho phương tiện giao thông;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, bổ sung, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách phù hợp thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp ô tô;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng các chính sách thu hút đầu tư phát triển thị trường tiêu thụ ô tô trong nước, cơ chế chính sách nhằm tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị ngành ô tô trên thị trường nội địa;

- Chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ giúp đỡ về chuyên môn, kỹ thuật các sở Công Thương, các địa phương tổ chức triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Chiến lược của địa phương, theo dõi, giám sát, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược tại địa phương;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, áp dụng các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại đối với sản phẩm ô tô và phụ tùng để bảo vệ thị trường trong nước;

- Tăng cường hoạt động xúc tiến xuất khẩu, tạo điều kiện giúp ngành công nghiệp ô tô Việt Nam tham gia vào thị trường khu vực và thế giới.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan liên quan và UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng các chính sách nhằm tăng cường khả năng thu hút đầu tư vào phát triển công nghiệp ô tô; cân đối vốn đầu tư ngắn hạn và dài hạn cho phát triển công nghiệp ô tô;

- Rà soát, bổ sung danh mục “Quy hoạch kết cấu hạ tầng trạm sạc điện, và trạm bơm nhiên liệu mới (hydrogen, nhiên liệu mới khác...)” vào trong danh mục quy hoạch ngành quốc gia;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương kiểm tra, giám sát việc phân bổ và sử dụng vốn đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng bảo đảm đúng mục đích và có hiệu quả;

- Chủ trì xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư, hỗ trợ liên quan đến chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí nhà kính đối với phương tiện giao thông đường bộ;

- Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách đầu tư, thu hút đầu tư phát triển hệ thống sạc điện, hạ tầng cung cấp năng lượng xanh cho phương tiện giao thông sử dụng điện, năng lượng xanh;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, các Bộ, cơ quan và địa phương liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực cho đầu tư, phát triển ngành công nghiệp ô tô; công nghiệp hỗ trợ;

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm ở cấp quốc gia;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các Sở Kế hoạch và đầu tư phối kết hợp với các Sở Công Thương xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào phát triển ngành công nghiệp ô tô; theo dõi, giám sát việc phân bổ vốn đầu tư vào các dự án kết cấu hạ tầng ngành công nghiệp ô tô từ ngân sách Trung ương;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương kiểm tra, giám sát việc phân bổ và sử dụng vốn đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng bảo đảm đúng mục đích và có hiệu quả.

3. Bộ Tài chính

- Nghiên cứu cách tính thuế, ban hành lộ trình giảm một số loại thuế đối với doanh nghiệp sản xuất và thuế đối với sản phẩm ô tô “xanh” thân thiện với môi trường; thuế suất thuế nhập khẩu linh kiện, phụ tùng phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực;

- Nghiên cứu, xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ tài chính cho hoạt động nghiên cứu - phát triển và đào tạo nhân lực cho ngành công nghiệp ô tô;

- Kiểm soát chặt chẽ việc thu thuế đối với ô tô và linh kiện, phụ tùng nhập khẩu; phối hợp với Bộ Công Thương đẩy mạnh đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại;

- Bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về quản lý thuế, phòng ngừa và ngăn chặn hiệu quả hành vi chuyển giá của doanh nghiệp FDI;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách tài chính, thuế để khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên trong ngành ô tô phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam;

- Cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm để thực hiện Chiến lược theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ các sở tài chính địa phương trong xây dựng, hoàn thiện các chính sách thuế, tài chính và phân bổ ngân sách địa phương cho thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Chiến lược được giao.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phát triển công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ sản xuất công nghiệp và phát triển thương mại trong nước và tham gia vào chuỗi cung ứng khu vực và trên thế giới;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan triển khai các chương trình/đề án thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ Chiến lược;

- Phối hợp với Bộ Công Thương, các Bộ, ngành, cơ quan liên quan trong việc tổ chức triển khai các nội dung thuộc phạm vi của Chiến lược. Tuyên truyền, phổ biến và cung cấp các thông tin cần thiết, hỗ trợ cho các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương triển khai thực hiện các giải pháp về khoa học công nghệ nhằm nâng cao hàm lượng công nghệ cao trong các sản phẩm của ngành ô tô Việt Nam; xây dựng chính sách đổi mới và ứng dụng công nghệ; đánh giá trình độ công nghệ;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, các Bộ, ngành, cơ quan liên quan triển khai các giải pháp về khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hàm lượng công nghệ cao trong các sản phẩm của ngành ô tô; xây dựng, hoàn thiện chính sách khuyến khích đổi mới công nghệ và ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong lĩnh vực công nghiệp ô tô;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong ngành công nghiệp ô tô;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng ô tô xanh, thân thiện với môi trường và phụ tùng đối với các loại xe lưu hành trong nước; các quy định ngăn chặn việc sản xuất, lắp ráp và lưu hành các loại ô tô chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường;

- Xây dựng, hướng dẫn thực hiện hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) về trạm sạc xe điện và tiêu chuẩn về hoàn đổi pin xe điện;

- Xây dựng, hướng dẫn thực hiện các quy định, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với cơ sở xử lý, tái chế pin xe điện;

- Hướng dẫn việc chuyển giao tiếp nhận công nghệ cho các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô và phụ tùng nhằm đảm bảo công nghệ được chuyển giao thực sự là công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong công tác bảo vệ môi trường tại các dự án đầu tư trong ngành công nghiệp ô tô, các khu công nghiệp.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Nghiên cứu, cải tiến giáo trình, chương trình giảng dạy các môn học trong hệ thống đại học, cao đẳng và dạy nghề liên quan đến lĩnh vực công nghiệp ô tô, phù hợp với xu hướng phát triển và đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển ngành công nghiệp ô tô; nghiên cứu đưa

vào áp dụng những mô hình quản lý, đào tạo tiên tiến, hiện đại tại các cơ sở giáo dục, đào tạo;

- Tăng cường liên kết, hỗ trợ các doanh nghiệp về đào tạo để phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành công nghiệp ô tô.

8. Bộ Giao thông vận tải

- Chủ trì xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh đối với phương tiện, thiết bị, hạ tầng giao thông xanh trong giao thông vận tải;

- Tăng cường đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch; phát triển nguồn nhân lực sẵn sàng tiếp nhận chuyển giao, quản lý, khai thác, vận hành công nghệ mới về phương tiện, trang thiết bị, hạ tầng giao thông xanh;

- Huy động nguồn lực trong nước và quốc tế, xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông và các nhiệm vụ khác nhằm thực hiện Chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện trong ngành giao thông vận tải, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

- Nghiên cứu các phương án nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, đáp ứng được nhu cầu tăng nhanh về sở hữu ô tô của người dân trong tương lai.

9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Nghiên cứu, xây dựng gói tín dụng xanh riêng cho dự án đầu tư phát triển ngành ô tô đảm bảo các cam kết sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý chất thải; xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; và tạo ra lợi ích khác về môi trường (dự án đầu tư vào chuyển đổi năng lượng, định hướng thân thiện với môi trường trong sản xuất, lắp ráp và các dự án về xử lý, tái chế pin xe điện...);

- Nghiên cứu xây dựng các chính sách cho vay vốn ưu đãi đối với các khoản vay sản xuất, lắp ráp và vay mua ô tô, đặc biệt là ô tô điện hóa, ô tô sử dụng nhiên liệu xanh, sạch.

10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án sản xuất, lắp ráp ô tô, sản xuất phụ tùng ô tô trên địa bàn tỉnh, thành phố mình (nếu có) và giám sát việc thực hiện dự án theo nội dung đã xây dựng và đăng ký;

- Tham gia với Bộ, ngành kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chiến lược để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa Chiến lược phát triển công nghiệp ô tô với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

11. Chỉ đạo các Sở, Ban, ngành chức năng phối hợp rà soát công tác đăng ký kinh doanh đối với các doanh nghiệp đăng ký ngành nghề kinh doanh sản xuất, lắp ráp ô tô, đảm bảo chặt chẽ, đúng pháp luật, phù hợp Chiến lược.

12. Hiệp hội doanh nghiệp

- Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức việc phối hợp giữa các doanh nghiệp cơ khí tham gia sản xuất, lắp ráp ô tô, sản xuất phụ tùng nhằm nâng cao tính hợp tác - liên kết và tính chuyên môn hoá trong lĩnh vực sản xuất, lắp ráp ô tô và phụ tùng ngành công nghiệp ô tô;

- Nghiên cứu, đề xuất với các cơ quan quản lý nhà nước các giải pháp, cơ chế chính sách khuyến khích, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp ô tô theo đúng Chiến lược được duyệt.

Điều 3. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quá trình chỉ đạo, thực hiện Chiến lược này, theo chức năng, nhiệm vụ của mình cần đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam với các Chiến lược, Quy hoạch, các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của từng Bộ, ngành và địa phương. Khi ban hành các chính sách mới phải bảo đảm nguyên tắc kế thừa và không trái với chủ trương phát triển ngành công nghiệp ô tô đã được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035”.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH (2b).